

Bài 39. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TỰ NHIÊN VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

- Nắm vững những đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam.
- Rèn luyện tư duy tổng hợp địa lí thông qua việc củng cố và tổng kết các kiến thức đã học về các hợp phần tự nhiên.
- Biết liên hệ hoàn cảnh tự nhiên với hoàn cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam, làm cơ sở cho việc học địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam ở các lớp trên.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý CỦA BÀI HỌC

1. Về cấu trúc chương trình

SGK trước đây xếp bài "Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam" trước các bài học về các hợp phần tự nhiên Việt Nam. Điều đó có phần gây khó khăn cho việc giảng dạy và học tập bài học này, vì HS còn thiếu vốn kiến thức "bộ phận". SGK mới đảo lại cấu trúc, đưa bài "Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam" xuống cuối chương trình nhằm khắc phục nhược điểm trên.

2. Về quan điểm giảng dạy

Do sự thay đổi cấu trúc chương trình như đã nêu trên, GV nên coi bài học này như là một bài học mang tính tổng kết có tác dụng rèn luyện óc tư duy tổng hợp cho HS. GV không cần thiết đưa thêm kiến thức mới để chứng minh cho bài học. GV hướng dẫn HS củng cố và liên kết các kiến thức địa lí bộ phận đã được học (như địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật Việt Nam) để xây dựng bài học mới.

III. CÁC THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

- Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam treo tường.
- Quả Địa Cầu tự nhiên (để nói về quan hệ qua lại giữa thế giới và Việt Nam).
- Bản đồ Việt Nam trong Đông Nam Á (tự nhiên).

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN BÀI HỌC

1. Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm

Dùng quả Địa Cầu, đặt câu hỏi để HS ôn tập về vị trí địa lí nhiệt đới của Việt Nam và các đặc điểm tự nhiên của đới này. GV cần lưu ý HS đây không phải chỉ là đặc điểm của khí hậu mà là đặc điểm chung của cảnh quan tự nhiên (ví dụ Việt Nam có lớp đất feralit đỏ vàng, có hệ sinh thái rừng phát triển mạnh mẽ, địa hình Việt Nam có vỏ phong hoá dày và quá trình phong hoá mạnh mẽ, chế độ sông ngòi với hai mùa nước và không bị đóng băng...).

Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm là tính chất nền tảng của thiên nhiên Việt Nam nhưng không phải là tính chất duy nhất. Biểu hiện của tính chất này không đồng nhất trên cả nước Việt Nam.

2. Tính chất ven biển hay tính chất bán đảo

GV cho HS quan sát bản đồ Việt Nam hoặc bản đồ Đông Nam Á để thấy rõ vị trí của phần đất liền và vùng biển của nước ta. Sau đó đặt câu hỏi để HS trả lời về ảnh hưởng của Biển Đông tới toàn bộ thiên nhiên Việt Nam. Địa hình nước ta kéo dài theo bờ biển trên 3000 km, lại khá hẹp ngang, nhất là miền Trung. Ảnh hưởng của biển rất mạnh mẽ, sâu sắc, rộng khắp và trở thành đặc điểm chung của thiên nhiên, duy trì và tăng cường tính chất nóng ẩm, gió mùa của thiên nhiên Việt Nam.

Trong những năm gần đây tương tác của đại dương với đất liền thông qua các hiện tượng En Ninô và La Nina ngày càng được chú ý và trở thành một động lực chi phối mạnh mẽ khí hậu, thời tiết và cuộc sống trên đất liền trong đó có Việt Nam (*Xem những điều cần biết về En Ninô và La Nina Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, năm 2000 do GS.TS Nguyễn Đức Ngữ chủ biên*).

3. Tính chất đối núi của thiên nhiên Việt Nam

Về mặt hình thái, nhìn trên bản đồ HS dễ dàng nhận thấy tỉ lệ đối núi chiếm ưu thế so với đồng bằng trên phần đất liền nước ta (3/4 lãnh thổ), do đó đối núi có vai trò quan trọng, trở thành tính chất chung, phổ biến và tiêu biểu cho thiên nhiên Việt Nam. Miền đối núi đứng riêng đã là một bộ phận rộng lớn nhất của cảnh quan chung. Mặt khác miền đối núi lại có những tác động mạnh mẽ, to lớn, sâu sắc tới hoàn cảnh tự nhiên chung. GV có thể nêu lên một số ví dụ như :

– Tác động của địa hình đối núi tới dòng chảy sông ngòi (dòng nước, dòng cát bùn, nhịp điệu mùa nước trên sông...) tới sự bồi đắp, phát triển của đồng bằng, bờ biển, thềm lục địa.

– Miền đối núi cung cấp nguồn tài nguyên phong phú về khoáng sản, năng lượng (thủy điện), đất đai, vật liệu xây dựng.

– Nhìn về lịch sử đối núi là địa bàn đứng chân đầu tiên của dân tộc ta để chinh phục cải tạo các vùng đồng bằng.

– Miền núi nước ta rộng lớn nhưng sự hiểu biết của chúng ta về thiên nhiên, con người vùng cao, vùng sâu, vùng xa này còn chưa thật đầy đủ, đặc biệt là những tác động dây chuyền của nó tới hoàn cảnh tự nhiên chung.

4. Về đặc điểm phân hoá đa dạng, phức tạp của tự nhiên nước ta

Về những biểu hiện cụ thể của tính chất này, HS đã được học kĩ và cũng dễ chứng minh qua các thành phần tự nhiên, từ địa chất, địa hình tới khí hậu thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật... Sự đa dạng và phức tạp của thiên nhiên còn do tác động của con người.

GV lưu ý về mối quan hệ hai mặt của thiên nhiên. Trong thiên nhiên nước ta luôn tồn tại các mặt đối lập : tính ổn định và không ổn định, tính quy luật và tính ngẫu nhiên, tính toàn quốc và tính địa phương, đặc điểm chung và đặc điểm riêng, tính đồng nhất và tính đa dạng... thể hiện trong mọi thành phần tự nhiên.

Điều đó đã vẽ nên bức tranh thiên nhiên Việt Nam giàu màu sắc vừa đa dạng, phức tạp, vừa hài hoà thống nhất. Do vậy trong mọi hoạt động kinh tế, chúng ta cũng phải cân nhắc đầy đủ những yếu tố thuận lợi và khó khăn, xem xét các giá trị trung bình và các giá trị cực đoan để chủ động phòng chống thiên tai. Ví dụ việc chung sống và chống lũ ở đồng bằng sông Cửu Long cần được giải quyết như thế nào ? Điều đó chắc chắn rất cần tới quan điểm tổng hợp, đồng bộ, hệ thống của địa lí.

Sự đa dạng, phức tạp của cảnh quan thiên nhiên nước ta bắt nguồn từ các nguyên nhân sâu xa như :

- Vị trí địa lí.
- Lịch sử phát triển lâu dài của tự nhiên.
- Sự tiếp xúc, quy tụ và đấu tranh của nhiều hệ thống tự nhiên mang tính địa đới và phi địa đới diễn ra ở Việt Nam.

Bài học này còn mang ý nghĩa tổng kết những kiến thức có phần rời rạc của các hợp phần tự nhiên đã học trong chương trình. Qua bài học này HS có được sự hiểu biết một cách tổng hợp hệ thống tự nhiên Việt Nam thông qua các đặc điểm chung của nó.

V. GỢI Ý TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI KHÓ

1. Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống như thế nào?

Khí hậu nhiệt đới gió mùa Việt Nam có ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông, lâm nghiệp. Điều kiện nóng ẩm cho phép cây trồng phát triển quanh năm, có thể cấy dày và xen canh để tận dụng ánh sáng dồi dào, có thể kết hợp nông lâm nghiệp theo công thức VAC hay VACR (Vườn - ao - chuồng - rừng). Song do chế độ mưa theo mùa nên cần bố trí thời vụ hợp lí. Thời gian có mưa và sự phân bố lượng mưa chi phối sự bố trí mùa vụ và lựa chọn các loại cây trồng trên các địa phương nước ta.

2. Một km² đất liền tương ứng với bao nhiêu km² mặt biển ?

Diện tích đất liền (S_1) = 330 000 km² (làm tròn).

Diện tích biển Việt Nam (S_2) = 1 000 000 km².

Tỉ lệ $S_2 : S_1 = 3,03$.

Như vậy 1 km² đất liền ứng với trên 3 km² mặt biển.

Vùng duyên hải nước ta chịu tác động trực tiếp của cả đất liền và biển.

3. Miền núi có những thuận lợi và khó khăn gì trong phát triển kinh tế – xã hội ?

a) Thuận lợi

- Đất đai rộng lớn.
- Tài nguyên đa dạng (khoáng sản, gỗ, đồng cỏ, thủy điện).

b) Khó khăn

- Địa hình chia cắt mạnh : núi cao, sông sâu, vực thẳm.
- Khí hậu, thời tiết khắc nghiệt.
- Đường sá khó xây dựng, bảo dưỡng.
- Dân cư ít và phân tán.

4. Cảnh quan thiên nhiên nước ta thay đổi từ tây sang đông, từ thấp lên cao, từ bắc vào nam tạo ra thuận lợi và khó khăn gì cho kinh tế – xã hội ?

Câu hỏi nhằm tổng kết phân tự nhiên Việt Nam đã học.

a) GV chú ý các lí do dẫn tới tính phân hoá, đa dạng của thiên nhiên Việt Nam

- Vị trí địa lí.
- Lịch sử phát triển tự nhiên lâu dài phức tạp.
- Nơi gặp gỡ và chịu tác động của nhiều hệ thống tự nhiên.

Ví dụ :

- Khác biệt đông – tây :
 - + Tây Bắc ấm hơn Đông Bắc do dải Hoàng Liên Sơn che chắn tác động của gió mùa Đông Bắc.
 - + Đông và tây Trường Sơn có thời tiết khác biệt do tác động của gió phơn Tây Nam và gió mùa Đông Bắc.
 - Khác biệt thấp – cao : miền núi, miền đồng bằng có khác biệt về địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng, sinh vật rất rõ nét.
- Khác biệt bắc – nam :
 - + Miền Bắc có mùa đông lạnh, trồng được rau màu á nhiệt đới.
 - + Miền Nam nóng quanh năm, mùa khô kéo dài và sâu sắc.

b) Sự phân hoá cảnh quan tạo ra thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta ?

Câu hỏi nhằm chuyển nội dung chương trình sang phần sẽ học ở lớp 9 (Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam). GV gợi ý những điểm chính sau đây :

- Thiên nhiên Việt Nam đa dạng, tươi đẹp, hấp dẫn là tài nguyên phát triển du lịch sinh thái.

- Tài nguyên thiên nhiên đa dạng là một nguồn lực để phát triển kinh tế toàn diện. Nên nông nghiệp nhiệt đới đa canh, thâm canh và chuyên canh (lúa, cây công nghiệp, cây ăn quả, thủy sản, hải sản). Nên công nghiệp tiên tiến hiện đại nhiều ngành (nhiên liệu, năng lượng, khai khoáng, luyện kim, chế biến nông sản).

- Việt Nam là vùng có nhiều thiên tai. Môi trường sinh thái dễ bị biến đổi, mất cân bằng. Nhiều tài nguyên có nguy cơ bị cạn kiệt và huỷ hoại (rừng cây, đất đai, động vật quý hiếm...).